

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2022/HS-ST
Ngày 27-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH T BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Diệu

2. Bà Phạm Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 89/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2022/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 9 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Duy T, sinh ngày 09/02/1992; tại huyện P, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn Lai Ổn, xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Duy C, sinh năm 1968; con bà: Đỗ Thị L, sinh năm 1972;

Vợ, con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Quyết định số 17/QĐ-UBND, ngày 30/12/2010 của Chủ tịch UBND quận Đ, thành phố Hà Nội đưa vào lưu trú tạm thời tại Trung tâm lưu trú L, thời hạn 15 ngày, kể từ 30/12/2010; Quyết định số 34/QĐ-UBND, ngày 07/01/2011 của Chủ tịch UBND quận Đ, thành phố Hà Nội áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc thời hạn 24 tháng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; sau đó tiếp tục áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện thời hạn 2 năm, kể từ ngày 31/12/2012 theo Quyết định số 11784/QĐ-UBND, ngày 28/11/2012 của Chủ tịch UBND quận Đ, thành phố Hà Nội; đã chấp hành xong

các quyết định vào ngày 30/12/2014; Bản án số 129/2018/HS-ST, ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 2 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; chấp hành xong án phạt tù ngày 22/3/2020; chấp hành xong nghĩa vụ thi hành án dân sự ngày 24/01/2019.

Bị tạm giữ từ ngày 15/6/2022 đến ngày 18/6/2022 chuyển tạm giam; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện P, tỉnh Thái Bình.

2. Bị cáo Phạm Văn H sinh ngày 19/8/1989; tại huyện P, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: X, thị trấn B, huyện P, tỉnh T Bình nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn H - đã chết; con bà: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1963; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Từ tháng 3/2010 đến tháng 8/2011 tham gia nghĩa vụ quân sự, gia đình thuộc diện hộ cận nghèo.

Bị tạm giữ từ ngày 15/6/2022 đến ngày 18/6/2022 chuyển tạm giam; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện P, tỉnh T Bình.

Người bào chữa bị cáo H: Ông Lê Chí Diên – Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T Bình.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Hòa Quang K, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn M, xã D, huyện P.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Dục Linh 1, xã An Ninh, huyện P, tỉnh Thái Bình

Người chứng kiến: Anh Trần Đình T, sinh năm 1981; địa chỉ: X, B, huyện P, tỉnh Thái Bình

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo T, bị cáo H và ông Diên; vắng mặt ông Kiêm, anh Dương và anh Trọng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Duy T và Phạm Văn H là các đối tượng sử dụng ma túy, có mối quan hệ quen biết, chơi với nhau. Khoảng hơn 10 giờ ngày 15/6/2022, T đến nhà H ở X, B, huyện P chơi; trong người đã cất giấu từ trước 3 gói ma túy gói bằng giấy trắng kim màu trắng để bán trái phép kiếm lời. Lúc này, tại nhà H còn có Nguyễn Văn D là bạn của H đang nằm trên giường và Hòa Quang K là người quen biết với T và H đang ngồi ở ghế trong gian phòng khách. T đến nhà H thì đi thẳng vào trong phòng để đồ của gia đình H. Kiêm ngồi nói chuyện với H một lúc thì đặt vấn đề mua ma túy của H, nhưng H không có nên bảo Kiêm đợi H vào hỏi T. H đi vào phòng nói với T là bán cho Kiêm 01 gói ma túy. T đồng ý, lấy từ trong túi nilon đựng ma túy ra đưa cho H 01 gói và bảo H bán giá 200.000 đồng. H cầm gói ma túy ra chỗ Kiêm và nói có ma túy rồi.

Kiểm đưa H tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng. H cầm tiền rồi đưa cho K 01 gói ma túy. Kiểm nhận gói ma túy cất vào túi áo ngực bên trái. H cầm tiền mang vào phòng đưa cho T. Đúng lúc này, tổ công tác của Công an huyện P đến kiểm tra, phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại túi áo ngực bên trái Kiểm 01 gói giấy trắng kim màu trắng chứa chất bột trắng dạng cục, Kiểm khai là ma túy vừa mua của H giá 200.000 đồng (*niêm phong ký hiệu M₁*) để sử dụng; thu tại túi quần bên phải đang mặc của T 01 túi nilon có nẹp cài viền màu đỏ, bên trong có 2 gói giấy trắng kim màu trắng đều chứa chất bột trắng dạng cục, T khai là ma túy để bán trái phép kiếm lời (*niêm phong ký hiệu M₂*); thu tại túi quần bên trái phía trước đang mặc của T 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, T khai nhận là tiền H đưa cho T sau khi bán 01 gói ma túy cho Kiểm. Kiểm tra người H và Dương, tổ công tác không phát hiện, thu giữ gì.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Duy T và Phạm Văn H, không phát hiện, quản lý đồ vật, tài liệu gì liên quan đến hành vi phạm tội.

Kết luận giám định số 250/KL-KTHS(MT), ngày 17/6/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: “*Mẫu vật trong phong bì niêm phong ký hiệu M₁ gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,0346 gam (không phải không nghìn ba trăm bốn mươi sáu gam); Mẫu vật trong phong bì niêm phong ký hiệu M₂ gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,0947 gam (không phải không nghìn chín trăm bốn mươi bảy gam). Heroine STT: 09, Danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 và Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ.*”.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Duy T và Phạm Văn H khai nhận: T và H đều là đối tượng sử dụng ma túy. Sáng ngày 13/6/2022, T đón xe khách đi thành phố Hải Phòng mục đích mua ma túy về sử dụng và bán trái phép kiếm lời. Khi đến khu vực đường tàu, T không biết rõ địa chỉ cụ thể, T xuống xe, đi bộ thì gặp và mua của một người không quen biết 400.000 đồng được 01 gói ma túy. Sau đó, đón xe khách về T Bình tìm chỗ vắng lấy ra một ít sử dụng cho bản thân; phần còn lại dùng tay chia thành 3 gói nhỏ, gói bằng giấy trắng kim màu trắng, tất cả đựng trong túi nilon có nẹp cài viền màu đỏ. T cất túi ma túy vào túi quần bên phải phía trước để bán kiếm lời. Sáng ngày 15/6/2022, T đi nhờ xe của một người không quen biết đến B, huyện P thì gặp H. Cả hai về nhà H chơi. Lúc này là khoảng 10 giờ 30 phút, tại nhà H còn có Nguyễn Văn Dương là bạn của H đang nằm trên giường và Hòa Quang K là người quen của T và H, đang ngồi ở phòng khách. T đi vào phòng để đồ của gia đình H, còn H ngồi với Kiểm. Nói chuyện với H một lúc thì Kiểm đặt vấn đề mua ma túy của H. Dù không có ma túy nhưng với ý thức giúp T bán ma túy sẽ được T cho ma túy sử dụng nên H bảo Kiểm đợi vào hỏi T. H đi vào phòng nói với T là bán cho Kiểm 01 gói ma túy. T đồng ý, lấy từ trong túi nilon đựng ma túy ra đưa cho H 01 gói và bảo H bán giá 200.000 đồng. H cầm gói ma túy đi ra

bán cho Kiểm nhận số tiền 200.000 đồng vào đưa lại cho T. T cất tiền vào túi quần bên trái phía trước đang mặc, thì tổ công tác của Công an huyện P phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng.

Quá trình điều tra, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hòa Quang K khai: Khoảng 10 giờ sáng ngày 15/6/2022, ông đến nhà Phạm Văn H hỏi mua ma túy. Ông đưa cho H 200.000 đồng, H lấy 01 gói ma túy của T đưa cho ông, ông cho gói ma túy vào túi áo ngực bên phải, H cầm tiền vào cho T thì bị Công an phát hiện bắt giữ.

Bản Cáo trạng số 97/CT-VKSQP ngày 08/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh T Bình truy tố bị cáo Nguyễn Duy T và Phạm Văn H về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Duy T và Phạm Văn H về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy T và Phạm Văn H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”;

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 251, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, và Điều 38 Bộ luật Hình đối với các bị cáo: xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T từ 02 năm 09 tháng đến 03 (Ba) năm tù; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù đối với các bị cáo tính từ ngày tạm giữ 15/6/2022.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự: phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Duy T từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng để nộp Ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tuyên tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định, sung quỹ nhà nước số tiền 200.000 đồng do các bị cáo bán ma túy cho Hòa Quang Kiểm mà có.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo H.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn H: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát nhưng đề nghị Hội đồng xét xử: cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ*

quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm” theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đôi đáp của Viện kiểm sát: Không nhất trí áp dụng tình tiết “*Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm*” theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự vì hành vi phạm tội của các bị cáo bắt quả tang, việc bị cáo H hợp tác với cơ quan điều tra thể hiện T độ thành khẩn khai báo của bị cáo về hành vi phạm tội của mình, do đó bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “*Thành khẩn khai báo*” theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phạm Văn H không bổ sung quan điểm bào chữa của người bào chữa.

Các bị cáo đều không có ý kiến tranh luận gì. Các bị cáo có lời nói sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Duy T thừa nhận đã đi mua ma túy về để sử dụng và bán để kiếm lời, bị cáo Phạm Văn H lấy 01 gói ma túy của bị cáo T để bán cho Hòa Quang Kiểm 01 gói ma túy thu về 200.000 đồng, thì bị phát hiện bắt giữ. Các bị cáo đã đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng do Công an huyện P lập ngày 15/6/2022, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, bản kết luận giám định cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ 45 phút, ngày 15/6/2022, tại nhà riêng của Phạm Văn H, địa chỉ: X, B, huyện P, tỉnh T Bình, Phạm Văn H và Nguyễn Duy T cùng có hành vi bán trái phép 01 gói ma túy, loại Heroine, khối lượng 0,0346 gam, cho Hòa Quang Kiểm với số tiền 200.000 đồng. Ngoài ra, Nguyễn Duy T còn tàng trữ trái phép trên người 02 gói ma túy, loại Heroine, khối lượng 0,0947 gam, nhằm mục đích bán trái phép kiếm lời, bị Công an huyện P, tỉnh T Bình phát hiện, bắt quả tang. Tổng số ma túy Nguyễn Duy T đã bán và tàng trữ để bán trái phép kiếm lời là 0,1293 gam Heroine. Phạm Văn H là đồng phạm với vai trò là người thực hành. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Điều 251 Tội mua bán trái phép chất ma túy

“ 1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố các bị cáo về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn nhưng cũng cần thấy được vai trò của từng bị cáo để lên một mức án tương xứng. Bị cáo T là người khởi xướng, trực tiếp chuẩn bị ma túy để bán cho Hòa Quang Kiểm. Còn bị cáo H là người trực tiếp bán ma túy cho Kiểm, ngoài ra T còn tàng trữ 02 gói ma túy có khối lượng 0,0947 gam Heroine trên người để bán nên T vai trò thứ nhất, H giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy: Tệ nạn ma túy đang là mối quan tâm, nhức nhối của toàn xã hội, ma túy làm ảnh hưởng đến kinh tế, sức khỏe, làm suy thoái nòi giống và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Các bị cáo hiểu rõ tác hại của ma túy nhưng vì nghiện ma túy và háo hức nên bị cáo đã phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật với mức án tương xứng hành vi mà các bị cáo đã gây ra, việc cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để chấp hành hình phạt là cần thiết để cải tạo, giáo dục các bị cáo nói riêng và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về tình tăng nặng trách nhiệm hình sự : Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có H thời gian tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam, do đó bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với ý kiến của Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn H về việc cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử thấy rằng không đủ căn cứ để cho bị cáo H được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này nên cần chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát, không áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân các bị cáo: Bị cáo H là người có nhân thân tốt. Còn bị cáo T là người có nhân thân xấu đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; sau đó tiếp tục áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện, bị cáo còn bị kết án về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, điều đó cho thấy bị cáo T đã được giáo dục, cải tạo nhiều lần nhưng không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, chứng tỏ bị cáo là người coi thường kỷ cương, pháp luật. Như vậy, hình phạt của bị cáo T phải cao hơn so với bị cáo H, mức án áp dụng đối với các bị cáo như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy, bị cáo T phạm tội với động cơ thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T. Như mức đại diện VKS đề nghị là phù hợp. Đối với bị cáo H phạm tội không vì mục đích tư lợi cá nhân, bản thân lại thuộc hộ cận nghèo, điều kiện kinh tế khó khăn vì vậy Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Do không có căn cứ xác định người đã bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Duy T nên cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra xử lý.

[10] Đối với ông Hòa Quang Kiềm người đã mua 01 ma túy của bị cáo, do K hiện tại không có tiền án, tiền sự về ma túy, khối lượng ma túy ông K mua của các bị cáo chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện P, tỉnh T Bình đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Kiềm là phù hợp với quy định của pháp luật.

[11] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Nguyễn Duy T 02 gói ma túy và của Hòa Quang K 01 gói ma túy đều là Heroine, loại ma túy Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu để tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định. Đối với số tiền 200.000 đồng do các bị cáo bán ma túy cho K là tiền do phạm tội mà có cần tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo Phạm Văn H thuộc hộ cận nghèo lại có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm nên bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy T và Phạm Văn H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 15/6/2022.

Áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự: Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Duy T 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 15/6/2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Phạm Văn H.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1. Tuyên tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong 02 phong bì hoàn trả mẫu vật giám định đều ghi số 250/KLGĐMT.

3.2. Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) đã thu giữ của bị cáo Nguyễn Duy T do các bị cáo bán ma túy cho Hòa Quang Kiềm mà có.

(Các vật chứng trên đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, có đặc điểm chi tiết như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh T Bình ngày 9/9/2022).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc về hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Duy T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí cho bị cáo Phạm Văn H.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Duy T và bị cáo Phạm Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hòa Quang K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi & nghĩa vụ liên quan;
- VKSND h. P;
- VKSND tỉnh T Bình;
- Công an & Chi cục THADS h. P;
- TAND & Sở Tư pháp tỉnh T Bình;
- Trại tạm giam;
- UBND xã Ô, h.P;
- UBND thị trấn B, h.P;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên
(Đã ký)